

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-6-2022
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Nam

Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 26/TB-TA ngày 30 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Nhật L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Văn G, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Tổ 3, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Nhật L trình bày:***

Bà L và ông G tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 vào ngày 08-01-2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh nhiều

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông G thường xuyên đánh đập, xúc phạm bà L. Ngoài ra vợ chồng mâu thuẫn một phần do không có con chung. Vợ chồng và hai bên gia đình hai bên cũng đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2019 đến nay. Bà L về quê tại tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống, ông G sinh sống tại Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu ly hôn ông G để ổn định cuộc sống. Đối với ý kiến ông G về việc bà quan hệ với người đàn ông khác là không đúng. Bà L xác định người ông G nghi ngờ với bà chỉ là mối quan hệ bạn bè bình thường.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Văn G trình bày:

Ông G xác nhận lời trình bày của bà L về quá trình tìm hiểu, kết hôn, tình trạng vợ chồng không có con chung là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Đồng Nai. Sau đó vợ chồng chuyển về phường M, thị xã P thuê nhà trọ sinh sống. Khoảng tháng 8 năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông phát hiện bà L ngoại tình, bà L nói dối ông đi công việc nhưng thực chất là đi gặp người đàn ông khác. Sau đó có người nói, ông tới nơi và gặp bà L với người đàn ông đó tại nhà trọ A tại khu phố P, phường M, thị xã P. Hôm phát hiện sự việc ông G có ghi hình lại. Sau khi phát hiện sự việc, ông có nói chuyện với gia đình bên bà L. Bà L có xin lỗi và đồng ý vợ chồng quay lại, nhưng bà L không cắt đứt mà vẫn liên lạc với người đàn ông đó. Tháng 8/2020, bà L dọn đồ và bỏ đi. Ông có đi tìm nhưng không gặp. Từ đó đến nay ông không gặp lại bà L, vợ chồng sống ly thân. Sau này ông có liên lạc với bà L qua điện thoại, nhưng bà L giấu nơi ở. Đối với ý kiến bà L cho rằng ông G bạo lực gia đình đối với bà là không đúng.

Nay ông G không đồng ý ly hôn, do ông vẫn còn tình cảm bà L và mong muốn vợ chồng hoà giải đoàn tụ.

Về con chung không có nên ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của hai bên xác định mâu thuẫn vợ chồng bà L là có thật. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông G đã đến mức trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L. Về con chung: Bà L, ông G không có con chung và không yêu cầu nên không xem xét. Về tài

sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà Trần Thị Nhật L phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Nhật L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Nhật L và ông Đinh Văn G tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 vào ngày 08-01-2013 đúng quy định. Do đó hôn nhân của bà L, ông G là hợp pháp.

Theo bà L xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông G thường xuyên đánh đập, xúc phạm bà L. Ngoài ra vợ chồng mâu thuẫn một phần do không có con chung. Vợ chồng và hai bên gia đình cũng đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2019 đến nay.

Ông G không đồng ý với lời trình bày của bà L về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, nhưng xác định khoảng tháng 8 năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông G phát hiện bà L ngoại tình và ông có bắt gặp. Bà L có xin lỗi và đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà L không cắt đứt mà vẫn liên lạc với người đàn ông đó. Tháng 8/2020, bà L dọn đồ và bỏ đi, nên từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân.

Xét lời khai của bà L, ông G có sự mâu thuẫn với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, đã thể hiện tình trạng hôn nhân vợ chồng bà L, ông G đã có những mâu thuẫn nhất định, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Hai vợ chồng đều xác định đã một thời gian không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, sau khi hòa giải Tòa án đã cho thời gian để vợ chồng tự giải quyết mâu thuẫn, đoàn tụ với nhau nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Do đó, nhận thấy hôn nhân của bà L, ông G đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L được ly hôn ông G là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà L, ông G không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L, ông G không yêu cầu nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Bà L, ông G được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nhật L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Nhật L được ly hôn với ông Đinh Văn G.

- Về con chung: Không có con chung, không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Nhật L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005922 ngày 15 tháng 3 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Hòa Hiệp, Tân Biên, Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Huỳnh Thanh Trà